

Bản án số: 179/2021/DS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1963 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Bé S, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Tr huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Minh Th (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện của Nguyễn Minh Th: Bà Nguyễn Bé S, ông Nguyễn Minh Tr.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Trần Văn Kh (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

Ngày 15/01/2018, bà Phạm Thị Th có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 35 chân, mỗi tháng khui 01 lần, khi mở hụi bà Nguyễn Bé S không có tham gia. Trong dây hụi này vợ T có tham gia 01 chân, bà Th là chủ hụi cũng tham gia 02 chân. Vợ T tham gia hụi khui được khoảng 02 lần thì rút lại không tham gia hụi nữa. Bà S tham gia tiếp chân hụi của vợ T và bà Th nhường lại cho Bà S 01 chân hụi bà đang tham gia. Bà S đã hốt hết 02 chân hụi, sau khi hốt hụi Bà S đóng hụi chết đến tháng 02 năm 2019. Từ tháng 03 năm 2019 đến ngày khởi kiện bổ sung ngày 17/4/2020 Bà S còn nợ 14 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 28.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2018, bà Phạm Thị Th có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 52 chân, mỗi tháng khui 01 lần. Khi mở hụi bà Nguyễn Bé S có tham gia 01 chân (trong danh sách hụi ghi tên Th là con của bà S). Bà Th là chủ hụi cũng tham gia 02 chân. Ông Trần Văn Kh tham gia 02 chân, khui hụi được 01 lần thì ông Kh rút lại không tham gia hụi nữa. Bà S đồng ý tham gia 02 chân hụi của ông Kh. Trong dây hụi này Bà S tham gia 03 chân và đã hốt hết. Sau khi hốt Bà S đóng hụi chết đến tháng 02 năm 2019. Từ tháng 03 năm 2019 đến ngày khởi kiện bổ sung ngày 17/4/2020 Bà S còn nợ 14 lần hụi chết của 03 chân hụi là 42.000.000 đồng. Trong dây hụi này bà Nguyễn Thị Đ có tham gia 01 chân, Bà S kêu bà Th mượn chân hụi của bà Đ hốt để trả tiền vay cho bà Dương. Bà Đ đồng ý cho mượn chân hụi hốt, hụi chết thì hàng tháng Bà S đóng cho bà Th. Tháng 5 năm 2019 bà Th hốt chân hụi của bà Đ được khoảng 20 mấy triệu (không nhớ rõ bao nhiêu tiền), trả cho bà Đ được 17.000.000 đồng. Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020 Bà S còn nợ 11 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 11.000.000 đồng. Bà Th xác định Bà S là người trực tiếp tham gia chơi hụi, ông Tr không có trực tiếp tham gia nhưng việc Bà S tham gia hụi ông Tr có biết và tiền hốt hụi Bà S sử dụng chung trong gia đình. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Th xin rút lại một phần yêu cầu đòi với số tiền 6.800.000 đồng. Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Bé S trả số tiền 81.000.000 đồng tính đến ngày 17/4/2020.

Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Bé S trình bày:

Bà S thừa nhận dây hụi ngày 15/01/2018 Bà S có tham gia 02 chân, đã hốt hết. Hốt hụi được bao nhiêu tiền thì không nhớ, bà đóng hụi chết đến tháng 06 năm 2019. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay chưa đóng hụi chết. Hụi chết chưa đóng đến mãn hụi là 16 lần, 02 chân là 32.0000.000 đồng. Dây hụi ngày 30/9/2018 Bà S tham gia 01 chân (ghi tên Th), chân hụi này đã hốt xong. Sau khi hốt hụi đã đóng hụi chết được 11 lần, còn lại 38 lần hụi chết chưa đóng. Hàng tháng Bà S đóng hụi chết cho bà Th 3.000.000 đồng. Bà S không có tham gia 02 chân hụi của ông Kh như bà Th trình bày. Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2020 bà Nguyễn Bé S xác định bà không có mượn chân hụi của bà Đ hốt như bà Th trình bày. Bà Nguyễn Bé S không đồng ý trả cho bà Phạm Thị Th trả số tiền 87.800.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 11 năm 2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ xác định dây hụi ngày 30/9/2018 bà Đ có tham gia 01 chân và cho bà Th mượn như bà Th trình bày là đúng. Bà Đ không yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh Tr , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Kh , Nguyễn Minh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph đã quyết định:

Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Bé S , ông Nguyễn Minh Tr trả cho bà Phạm Thị Th số tiền 81.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/6/2021, ông Nguyễn Minh Tr kháng cáo không đồng ý cùng thanh toán nợ với bà Nguyễn Bé S vì ông không biết việc Bà S tham gia chơi hụi cũng như Bà S không đóng góp vào việc làm ăn của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Tr .

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong Bà S không kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông Tr vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông Tr khẳng định việc Bà S tham gia chơi hụi như thế nào ông không biết nên ông không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với bà S, con ông tên Nguyễn Minh Th không tham gia vào chơi hụi nên việc để tên con ông trong danh sách hụi là ông không thống nhất.

Xét tại phiên tòa, ông Tr trình bày ông tự kinh doanh tôm giống, Bà S có mua bán nhỏ, việc quán xuyến chi tiêu trong gia đình là do Bà S đảm nhận, khi Bà S báo với ông thiếu tiền thì ông đưa, ông không biết cụ thể việc Bà S chi tiêu như thế nào. Bà S thì xác nhận việc bà thiếu tiền hụi là do bà tự làm tự chịu, do bà mượn nợ cho anh bà (anh Bà S là chồng bà Th) nên bà hốt hụi trả nợ, hiện nay bà không có giấy tờ gì để chứng minh việc mượn nợ cho anh bà.

Nhận thấy: Từ lời trình bày của ông Tr đã thể hiện Bà S là người quán xuyến chi tiêu trong gia đình nếu ông Tr đưa tiền đầy đủ thì đã không có việc Bà S phải thiếu nợ. Ông Tr cũng không quan tâm đến việc Bà S sử dụng và chi tiêu như thế nào, Giữa Bà S và ông Tr tồn tại quan hệ vợ chồng từ năm 1994 có 03 người con, không có việc làm ăn kinh doanh riêng biệt, Bà S và ông Tr có thu nhập đều sử dụng chung trong gia đình nên việc Bà S thiếu tiền hụi, ông Tr phải có trách nhiệm cùng thanh toán.

Đối với lời trình bày của Bà S cho rằng bà mượn nợ cho anh bà, là nợ riêng của bà, xét anh bà là chồng bà Th, bà Th là vợ, bà là em nhưng bà lại phải hốt hụi để trả như vậy là mâu thuẫn. Ngoài ra, Bà S cũng không có căn cứ để chứng minh việc bà mượn nợ cho anh bà. Khi buộc ông Tr có nghĩa vụ cùng thanh toán với bà thì bà cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Tr có yêu cầu việc để tên con ông là Th trong danh sách hụi, ông không đồng ý vì anh Th sắp đi nghĩa vụ, sẽ bị ảnh hưởng. Xét vấn đề này giữa Bà S và bà Th giao dịch hụi, ghi tên là do hai bên thỏa thuận với nhau để xác định chân hụi tham gia. Bản án sơ thẩm không tuyên buộc trách nhiệm của anh Th nên anh Th cũng không bị ảnh hưởng hay phải chịu trách nhiệm gì trong vụ án này.

[2] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Tr. Như phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Tr phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Tr . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph .

Buộc bà Nguyễn Bé S , ông Nguyễn Minh Tr trả cho bà Phạm Thị Th số tiền 81.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Bé S , ông Nguyễn Minh Tr phải chịu 4.050.000 đồng. Nguyên đơn bà Phạm Thị Th không phải chịu án phí, bà Th có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.159.000 đồng, theo biên lai thu số 0019605 ngày 19 tháng 11 năm 2019 và có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.834.000 đồng, theo biên lai thu số 0011601 ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph được hoàn lại.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh Tr phải chịu 300.000 đồng. Ông Tr đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012458 ngày 17/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph được chuyển thu.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ph ;
- Chi cục THADS huyện Ph ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Trung

Huỳnh Văn Út

Hoàng Thị Hải Hà